

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày  
30 tháng 6 năm 2024



**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy phép Thành lập và  
Hoạt động số**

85/GP/KDBH

ngày 8 tháng 2 năm 2021

Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 85/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 8 tháng 2 năm 2021. Thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày Giấy phép thành lập và Hoạt động có hiệu lực.

**Hội đồng Thành viên**

Ông Bae Seung Jun  
Bà Kim Minji  
Ông Kim Soongi

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên

**Người đại diện  
theo pháp luật**

Ông Bae Seung Jun

Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Tầng 17, Tháp B, Khu Thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu Chức năng số 1 - số 15, đường Trần Bạch Đằng, Phường Thủ Thiêm Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Báo cáo của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 3 đến trang 39 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.



Bae Seung Jun  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2024

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024**

**Mẫu B 01a – DNNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	31/12/2023 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>1.207.053.886.181</b>	<b>1.523.338.345.198</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>7</b>	<b>91.523.475.444</b>	<b>85.499.013.699</b>
Tiền	111		13.523.475.444	7.999.013.699
Các khoản tương đương tiền	112		78.000.000.000	77.500.000.000
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>8</b>	<b>1.009.057.758.647</b>	<b>1.332.296.400.000</b>
Đầu tư ngắn hạn	121		1.009.057.758.647	1.332.296.400.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>91.679.905.233</b>	<b>91.754.115.718</b>
Phải thu của khách hàng	131	9	19.236.976.100	20.805.638.600
<i>Phải thu về hợp đồng bảo hiểm</i>	<i>131.1</i>		<i>19.236.976.100</i>	<i>20.805.638.600</i>
Trả trước cho người bán	132		7.409.693.236	1.992.404.200
Các khoản phải thu khác	135	10(a)	65.066.947.962	68.989.784.983
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	10(a)	(33.712.065)	(33.712.065)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>14.792.746.857</b>	<b>13.788.815.781</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	13.500.404.769	12.492.941.424
Thuế phải thu Nhà nước	154	18(b)	1.292.342.088	1.295.874.357

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DNNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2024 VND</b>	<b>31/12/2023 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>1.160.415.536.063</b>	<b>856.601.938.214</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>54.642.780.514</b>	<b>58.582.010.190</b>
Phải thu dài hạn khác	218	10(b)	54.642.780.514	58.582.010.190
<i>Ký quỹ bảo hiểm</i>	218.1		15.000.000.000	15.000.000.000
<i>Phải thu dài hạn khác</i>	218.2		39.642.780.514	43.582.010.190
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>131.963.044.514</b>	<b>143.271.813.697</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	22.230.501.258	28.518.014.504
<i>Nguyên giá</i>	222		56.770.919.889	54.378.079.089
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(34.540.418.631)	(25.860.064.585)
Tài sản cố định vô hình	227	12	109.732.543.256	114.753.799.193
<i>Nguyên giá</i>	228		161.162.923.623	152.582.436.072
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(51.430.380.367)	(37.828.636.879)
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>230</b>	<b>13</b>	<b>30.092.069.851</b>	<b>18.264.775.053</b>
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>14</b>	<b>927.000.000.000</b>	<b>624.600.000.000</b>
Đầu tư dài hạn khác	258		927.000.000.000	624.600.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>16.717.641.184</b>	<b>11.883.339.274</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	14.893.285.935	10.929.342.354
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	1.824.355.249	953.996.920
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.367.469.422.244</b>	<b>2.379.940.283.412</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DNNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	31/12/2023 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>Nợ phải trả (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>196.164.916.817</b>	<b>136.877.769.626</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>58.884.415.636</b>	<b>42.867.387.287</b>
Phải trả cho người bán	312	17	33.971.549.423	19.391.035.850
<i>Phải trả về hợp đồng bảo hiểm</i>	<i>312.1</i>		<i>22.097.206.971</i>	<i>10.857.095.150</i>
<i>Phải trả khác cho người bán</i>	<i>312.2</i>		<i>11.874.342.452</i>	<i>8.533.940.700</i>
Thuế phải nộp Nhà nước	314	18(a)	1.448.380.683	1.866.141.296
Phải trả người lao động	315		244.050.209	269.783.542
Chi phí phải trả	316	19	22.600.594.042	20.477.141.797
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319		387.838.492	392.238.665
Phí bảo hiểm tạm thu, doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	319.1		232.002.787	471.046.137
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>137.280.501.181</b>	<b>94.010.382.339</b>
Dự phòng nghiệp vụ	344	20	137.280.501.181	94.010.382.339
<i>Dự phòng toán học</i>	<i>344.1</i>		<i>130.480.381.718</i>	<i>85.579.102.867</i>
<i>Dự phòng phí chưa được hưởng</i>	<i>344.2</i>		<i>6.020.395.788</i>	<i>7.300.124.527</i>
<i>Dự phòng bồi thường</i>	<i>344.3</i>		<i>779.723.675</i>	<i>1.131.154.945</i>
<b>Vốn chủ sở hữu (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>2.171.304.505.427</b>	<b>2.243.062.513.786</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>2.171.304.505.427</b>	<b>2.243.062.513.786</b>
Vốn góp	411		2.320.000.000.000	2.320.000.000.000
Quỹ dự trữ bắt buộc	419		355.003.758	355.003.758
Lỗi lũy kế	421		(149.050.498.331)	(77.292.489.972)
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.367.469.422.244</b>	<b>2.379.940.283.412</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DNNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2024</b>	<b>31/12/2023</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cam kết thuê hoạt động (VND)	30	212.717.106.668	64.461.421.503

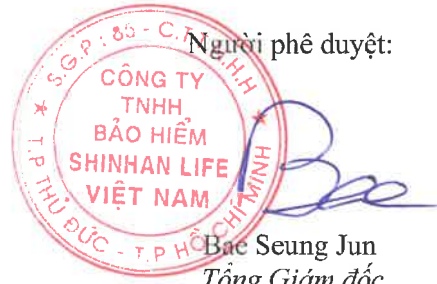
Ngày 14 tháng 08 năm 2024

Người lập:



Lê Thị Minh Thúy  
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Bac Seung Jun  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024**

**Mẫu B 02a – DNNT**

*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**PHẦN I - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	108.099.240.439	108.718.151.145
Doanh thu hoạt động tài chính	12	76.527.432.076	85.068.008.208
Thu nhập khác	13	6.224.767	9.000
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	66.189.460.462	50.962.950.950
Chi phí hoạt động tài chính	22	8.493.422	-
Chi phí bán hàng	23	103.273.833.574	83.635.224.618
Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	87.490.891.523	70.033.546.602
Chi phí khác	25	298.584.989	1.742.038
<b>Lỗ kế toán trước thuế</b> <b>(50 = 10 + 12 + 13 – 20 – 22 – 23 – 24 – 25)</b>	<b>50</b>	<b>(72.628.366.688)</b>	<b>(10.847.295.855)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	-	-
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	(870.358.329)	(2.132.904.007)
<b>Lỗ sau thuế TNDN</b> <b>(60 = 50 – 51 – 52)</b>	<b>60</b>	<b>(71.758.008.359)</b>	<b>(8.714.391.848)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*



**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam****Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024  
(tiếp theo)****Mẫu B 02a – DNNT***(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***PHẦN II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG**

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 – 01.3) Trong đó:	01		108.099.240.439	108.718.151.145
- <i>Phí bảo hiểm gốc</i>	01.1	22	106.819.511.700	110.111.991.000
- <i>(Giảm)/tăng dự phòng phí chưa được hưởng của bảo hiểm gốc</i>	01.3	20	(1.279.728.739)	1.393.839.855
<b>Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01)</b>	<b>03</b>		<b>108.099.240.439</b>	<b>108.718.151.145</b>
<b>Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03)</b>	<b>10</b>		<b>108.099.240.439</b>	<b>108.718.151.145</b>
Chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm	11		2.655.630.641	417.914.984
Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc	13	20	44.549.847.581	32.462.983.014
<b>Tổng chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm (15 = 11 + 13)</b>	<b>15</b>	<b>23</b>	<b>47.205.478.222</b>	<b>32.880.897.998</b>
Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (16 = 16.1 + 16.2) Trong đó:	16		18.983.982.240	18.082.052.952
- <i>Chi hoa hồng bảo hiểm</i>	16.1		18.974.839.240	18.053.366.020
- <i>Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm</i>	16.2	24	9.143.000	28.686.932
<b>Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 15 + 16)</b>	<b>17</b>		<b>66.189.460.462</b>	<b>50.962.950.950</b>
<b>Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 10 – 17)</b>	<b>18</b>		<b>41.909.779.977</b>	<b>57.755.200.195</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 02a – DNNT**

*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**PHẦN II - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)**

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Doanh thu hoạt động tài chính	22	25	76.527.432.076	85.068.008.208
Chi phí hoạt động tài chính	23		8.493.422	-
<b>Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (24 = 22 – 23)</b>	<b>24</b>		<b>76.518.938.654</b>	<b>85.068.008.208</b>
Chi phí bán hàng	25	26	103.273.833.574	83.635.224.618
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	87.490.891.523	70.033.546.602
<b>Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 18 + 24 – 25 – 26)</b>	<b>30</b>		<b>(72.336.006.466)</b>	<b>(10.845.562.817)</b>
Thu nhập khác	31		6.224.767	9.000
Chi phí khác	32		298.584.989	1.742.038
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 – 32)</b>	<b>40</b>		<b>(292.360.222)</b>	<b>(1.733.038)</b>
<b>Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(72.628.366.688)</b>	<b>(10.847.295.855)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	-	-
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	28	(870.358.329)	(2.132.904.007)
<b>Lỗ sau thuế TNDN (60 = 50 – 51 – 52)</b>	<b>60</b>		<b>(71.758.008.359)</b>	<b>(8.714.391.848)</b>

Ngày 14 tháng 08 năm 2024

Người lập:

Lê Thị Minh Thúy  
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:

Bae Seung Jun  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024**

**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DNNT**

*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lỗ trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(72.628.366.688)</b>	<b>(10.847.295.855)</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	22.282.097.534	19.087.260.158
Các khoản dự phòng	03	43.270.118.842	33.877.050.108
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(76.527.432.076)	(85.068.008.208)
<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(83.603.582.388)</b>	<b>(42.950.993.797)</b>
Biến động các khoản phải thu	09	10.872.338.492	(5.640.465.903)
Biến động các khoản phải trả	11	14.796.454.704	(19.775.104.009)
Biến động chi phí trả trước	12	(4.971.406.926)	(4.290.853.692)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(62.906.196.118)</b>	<b>(72.657.417.401)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(21.580.049.504)	(12.805.565.629)
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, mua công cụ nợ	23	(723.002.758.647)	(1.342.941.400.000)
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, tiền bán công cụ nợ	24	743.841.400.000	1.293.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	69.672.066.014	93.565.619.526
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>68.930.657.863</b>	<b>30.818.653.897</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DNNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Lưu chuyển tiền thuần phát sinh trong kỳ (50 = 20 + 30)	50	6.024.461.745	(41.838.763.504)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	85.499.013.699	109.503.197.749
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 7)	70	91.523.475.444	67.664.434.245

Ngày 14 tháng 08 năm 2024

Người lập:

Lê Thị Minh Thúy  
*Kế toán trưởng*

Người phê duyệt:

CÔNG TY  
 TNHH  
 BẢO HIỂM  
 SHINHAN LIFE  
 VIỆT NAM  
 T. P. HỒ CHÍ MINH  
 S. G. P. : 85 -

Bác Seung Jun  
*Tổng Giám đốc*

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024**

**Mẫu B 09a – DNNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC*  
*ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam (“Công ty”) được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 85/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp vào ngày 8 tháng 2 năm 2021. Giấy phép Thành lập và Hoạt động có thời hạn 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động.

### **(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với các nghiệp vụ kinh doanh bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe, và quản lý quỹ, đầu tư tài chính.

### **(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được mặc định là 12 tháng.

### **(d) Địa điểm và mạng lưới hoạt động**

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 17, Tháp B, Khu Thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu Chức năng số 1 - số 15, đường Trần Bạch Đằng, Phường Thủ Thiêm, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 Công ty có bốn (04) địa điểm kinh doanh và tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 Công ty có hai (02) địa điểm kinh doanh.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 129 nhân viên (31/12/2023: 110 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 199”) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ. Các chuẩn mực và các quy định pháp lý có liên quan này có thể khác biệt ở một số khía cạnh trọng yếu so với các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được chấp nhận chung ở các quốc gia khác. Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia hoặc các quyền tài phán khác ngoài Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính giữa niên độ này không dành cho những người không có hiểu biết về các nguyên tắc và thông lệ kế toán của Việt Nam đối với các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ và doanh nghiệp tái bảo hiểm.

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DNNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC*  
*ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**(e) Hình thức sổ sách kế toán**

Công ty sử dụng phần mềm kế toán để ghi nhận các giao dịch và hình thức chứng từ kế toán là sổ cái.

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính thường niên gần nhất.

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DNNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC*  
*ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu doanh nghiệp. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua trái phiếu doanh nghiệp được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ ngày mua đến ngày đáo hạn.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thể hiện các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm, các khoản phải thu khách hàng khác và các khoản phải thu khác được phân loại theo bản chất của chúng như sau:

- Phải thu về hợp đồng bảo hiểm là khoản phải thu thương mại phát sinh từ việc cung cấp dịch vụ bảo hiểm;
- Phải thu khách hàng khác là các khoản phải thu phát sinh từ việc cung cấp dịch vụ không phải là dịch vụ bảo hiểm; và
- Phải thu khác là các khoản phải thu không phát sinh từ việc cung cấp dịch vụ.

Phải thu về hợp đồng bảo hiểm, phải thu khách hàng khác và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập căn cứ vào tình trạng quá hạn của các khoản phải thu hoặc tổn thất dự kiến đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán có thể xảy ra khi tổ chức kinh tế bị phá sản, giải thể; hoặc người mắc nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị truy tố, đang bị giam, đang bị xét xử, đang chờ thi hành án hoặc đã chết.



**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DNNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC*  
*ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Đối với các khoản phải thu quá hạn, Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi căn cứ vào tình trạng quá hạn như sau:

<b><i>Thời gian quá hạn</i></b>	<b><i>Mức trích dự phòng</i></b>
Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ hai 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Trên 3 năm	100%

Dự phòng phải thu khó đòi căn cứ vào tổn thất dự kiến của các khoản nợ chưa đến hạn cũng được Tổng Giám đốc Công ty xác định sau khi xem xét khả năng thu hồi các khoản nợ này.

**(e) Ký quỹ bảo hiểm**

Theo Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2023 (“Nghị định 46”) của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh Bảo hiểm, Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn điều lệ tối thiểu tại một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam. Khoản tiền ký quỹ bảo hiểm bắt buộc này chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản. Khoản ký quỹ này chỉ có thể được rút toàn bộ khi Công ty chấm dứt hoạt động.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- thiết bị văn phòng 3 – 5 năm



**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DNNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC*  
*ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn liền với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 đến 8 năm.

**(ii) Phí bản quyền**

Phí bản quyền được ghi nhận theo giá gốc và khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 đến 11 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc dưới hình thức chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian mà số tiền được trả trước hoặc khoảng thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Phí hỗ trợ và bảo trì phần mềm máy vi tính**

Phí hỗ trợ và bảo trì phần mềm máy vi tính được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

**(j) Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả bao gồm các khoản phải trả về hợp đồng bảo hiểm, phải trả khác cho người bán và các khoản phải trả khác được phân loại theo bản chất của chúng như sau:

- Phải trả về hợp đồng bảo hiểm là khoản phải trả thương mại phát sinh từ việc cung cấp dịch vụ bảo hiểm;
- Phải trả khác cho người bán là khoản phải trả phát sinh từ việc mua hàng hóa và dịch vụ khác dịch vụ bảo hiểm; và
- Khoản phải trả khác là khoản phát sinh không phải từ việc mua hàng hóa và dịch vụ.

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DNNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC*  
*ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(l) Dự phòng nghiệp vụ**

Dự phòng nghiệp vụ được trích lập theo quy định và hướng dẫn của Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 2 tháng 11 năm 2023 (“Thông tư 67”) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn một số điều của Luật Kinh doanh Bảo hiểm.

Dự phòng nghiệp vụ của Công ty bao gồm:

**(i) Dự phòng toán học**

Dự phòng toán học được trích lập cho các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên một (01) năm, được tính toán dựa trên các giả định và phương pháp dự phòng được Bộ Tài chính phê duyệt như sau:

*Tỷ lệ tử vong*

Tỷ lệ tử vong áp dụng Bảng tỷ lệ tử vong CSO 1980.

*Lãi suất kỹ thuật:*

Lãi suất kỹ thuật được thiết lập ở mức 2,12%/năm tại thời điểm 30/6/2024 và 31/12/2023.

*Các phương pháp tính dự phòng*

- Sản phẩm bảo hiểm nhân thọ hỗn hợp
  - Các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 5 năm áp dụng phương pháp phí bảo hiểm thuần được điều chỉnh bởi hệ số Zillmer 3% số tiền bảo hiểm. Phí bảo hiểm thuần được điều chỉnh dùng để tính dự phòng không được cao hơn 100% phí bảo hiểm thực tế thu được.
- Sản phẩm bảo hiểm nhân thọ tử kỳ
  - Hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ 1 đến 5 năm áp dụng phương pháp phí bảo hiểm thuần.
  - Hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 5 năm áp dụng phương pháp phí bảo hiểm thuần được điều chỉnh FPT 12 tháng.
- Sản phẩm bảo hiểm sức khỏe: số lớn hơn giữa phương pháp phí bảo hiểm thuần và phương pháp dự phòng phí bảo hiểm chưa được hưởng 1/8.

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DNNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC*  
*ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Dự phòng phí chưa được hưởng**

Dự phòng phí chưa được hưởng chỉ áp dụng cho các hợp đồng có thời hạn không quá một năm và được tính dựa trên cơ sở phí bảo hiểm gộp như sau:

Dự phòng phí bảo hiểm chưa được hưởng = Tổng phí bảo hiểm x Tỷ lệ dự phòng phí bảo hiểm chưa được hưởng.

**(iii) Dự phòng bồi thường**

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng cho các yêu cầu bồi thường chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo.

- Dự phòng bồi thường chưa giải quyết là khoản dự phòng cho các yêu cầu bồi thường đã thông báo cho Công ty nhưng chưa được giải quyết vào cuối kỳ kế toán. Dự phòng bồi thường chưa giải quyết được tính theo phương pháp từng hồ sơ.
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo (“IBNR”) là khoản dự phòng được lập cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường vào cuối kỳ kế toán.
  - Sản phẩm nhân thọ tử kỳ: được trích ở mức 3% tổng số phí bảo hiểm của sản phẩm ghi nhận trong 12 tháng gần nhất đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ 1 năm trở xuống; và
  - Sản phẩm bảo hiểm sức khỏe: được trích ở mức 3% tổng số phí bảo hiểm của sản phẩm ghi nhận trong 12 tháng gần nhất.

**(iv) Dự phòng bảo đảm cân đối**

Dự phòng bảo đảm cân đối được trích lập hàng năm bằng 1% lợi nhuận trước thuế cho đến khi số dư của khoản dự phòng này bằng 5% phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính.

**(m) Vốn góp**

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

**(n) Quỹ dự trữ bắt buộc**

Theo Nghị định 46, Công ty phải trích lập quỹ dự trữ bắt buộc hàng năm bằng 5% lợi nhuận sau thuế cho đến khi số dư quỹ này đạt 10% vốn điều lệ của Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc không được phép phân phối và được ghi nhận như là một phần của vốn chủ sở hữu.

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DNNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC*  
*ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính giữa niên độ và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(p) Doanh thu phí bảo hiểm**

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo yêu cầu và hướng dẫn của Thông tư 67.

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận vào báo cáo hoạt động kinh doanh khi hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực (khi phát sinh trách nhiệm bảo hiểm đối với bên mua bảo hiểm), cụ thể như sau:

- khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa Công ty và bên mua bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm;
- có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm;
- khi hợp đồng bảo hiểm đã giao kết và có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm về việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ tại hợp đồng bảo hiểm, Công ty hạch toán doanh thu số phí bảo hiểm tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán doanh thu số phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

Trong trường hợp rủi ro bảo hiểm được hủy bỏ và cần thiết phải hoàn trả phí bảo hiểm, doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận được điều chỉnh bằng cách khấu trừ số tiền hoàn phí bảo hiểm phát sinh.

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DNNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC*  
*ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(q) Chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm**

Chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm bao gồm khoản bồi thường đáo hạn, quyền lợi bằng tiền chi trả định kỳ, giá trị hoàn lại, chi phí bồi thường cho sự kiện bảo hiểm và tử vong. Quyền lợi bảo hiểm đáo hạn được ghi nhận như là chi phí tại ngày đáo hạn hợp đồng bảo hiểm. Quyền lợi bằng tiền chi trả định kỳ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các khoản thanh toán định kỳ đến hạn thanh toán. Giá trị hoàn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thanh toán và chi phí bồi thường cho sự kiện bảo hiểm và tử vong được ghi nhận khi được phê duyệt.

**(r) Chi phí hoa hồng**

Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm của phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**(s) Thu nhập từ hoạt động tài chính**

***Thu nhập từ tiền lãi***

Thu nhập lãi từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu doanh nghiệp được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(t) Thuê tài sản**

**(i) Tài sản thuê**

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê của Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

**(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(u) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới nhà đầu tư (công ty mẹ), công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DNNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC*  
*ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(v) Số dư bằng không**

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư 199 không được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ này nghĩa là số dư bằng không.

**(w) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ/năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ/năm trước.

**4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố mang tính mùa vụ hoặc mang tính chu kỳ, ngoại trừ các khoản mục sau:

**(i) Thuế**

Theo quy định về thuế hiện hành, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính và quyết toán vào cuối kỳ kế toán năm. Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm thời được tính bằng thuế suất 20% trên lãi/(lỗ) chịu thuế cho kỳ giữa niên độ.

**(ii) Dự trữ bắt buộc**

Công ty được yêu cầu phân bổ lợi nhuận sau thuế vào quỹ dự trữ bắt buộc hàng năm, do đó Công ty sẽ trích lập quỹ dự trữ bắt buộc vào cuối kỳ kế toán năm.

**5. Thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc Công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi đáng kể nào về các ước tính kế toán được sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ này so với các ước tính kế toán được sử dụng để lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

**6. Các khoản mục bất thường**

Không có khoản mục bất thường trọng yếu nào trong kỳ sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2024.

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DNNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC*  
*ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2024</b>	<b>31/12/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi ngân hàng	13.523.475.444	7.999.013.699
Các khoản tương đương tiền	78.000.000.000	77.500.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	91.523.475.444	85.499.013.699

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất năm từ 3,60% đến 4,00% tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (31/12/2023: từ 3,50% đến 4,55%).

**8. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<b>30/6/2024</b>	<b>31/12/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản đầu tư ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	556.757.758.647	902.296.400.000
▪ Chứng chỉ tiền gửi	452.300.000.000	430.000.000.000
	1.009.057.758.647	1.332.296.400.000

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và các chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại ngày báo cáo, và hưởng lãi suất năm từ 4,20% đến 9,20% tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (31/12/2023: từ 4,90% đến 9,70%).

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DNNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC*  
*ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Phải thu của khách hàng**

	<b>30/6/2024</b>	<b>31/12/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		
▪ <i>Phải thu phí bảo hiểm từ chủ hợp đồng</i>	19.236.976.100	20.805.638.600
Phải thu phí bảo hiểm từ chủ hợp đồng		
▪ <i>Các bên thứ ba</i>	5,474,574,000	7.730.218.000
▪ <i>Các bên liên quan – thu hộ cho Công ty</i>	13,762,402,100	13.075.420.600
	<b>19.236.976.100</b>	<b>20.805.638.600</b>

**10. Các khoản phải thu khác**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2024</b>		<b>31/12/2023</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn tại ngân hàng	35.538.077.334	-	48.587.896.224	-
Lãi dự thu từ chứng chỉ tiền gửi ngắn hạn	27.330.381.378	-	17.709.917.809	-
Lãi dự thu từ trái phiếu doanh nghiệp	245.753.426	-	-	-
Tiền ký quỹ ngắn hạn	576.754.130	(33.712.065)	561.754.130	(33.712.065)
Các khoản phải thu khác	1.375.981.694	-	2.130.216.820	-
	<b>65.066.947.962</b>	<b>(33.712.065)</b>	<b>68.989.784.983</b>	<b>(33.712.065)</b>



**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DNNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC*  
*ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	<b>30/6/2024</b>	<b>31/12/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ký quỹ bảo hiểm (i)	15.000.000.000	15.000.000.000
Lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn dài hạn tại ngân hàng	8.420.624.661	9.259.749.042
Lãi dự thu từ chứng chỉ tiền gửi dài hạn	17.837.643.836	24.607.770.676
Tiền đặt cọc cho thuê văn phòng	11.202.192.017	6.684.583.413
Các khoản phải thu khác	2.182.320.000	3.029.907.059
	<b>54.642.780.514</b>	<b>58.582.010.190</b>

- (i) Công ty đã gửi các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam, một bên liên quan, để làm khoản ký quỹ bảo hiểm. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này hưởng lãi suất hàng năm từ 4,00% đến 5,60% tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (31/12/2023: từ 5,60% đến 8,40%).



**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DNNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC*  
*ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Tài sản cố định hữu hình**

*Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*

	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Tài sản khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	53.782.108.769	595.970.320	54.378.079.089
Tăng trong kỳ	188.207.200	-	188.207.200
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.204.633.600	-	2.204.633.600
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>56.174.949.569</b>	<b>595.970.320</b>	<b>56.770.919.889</b>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	25.611.081.430	248.983.155	25.860.064.585
Khấu hao trong kỳ	8.620.757.014	59.597.032	8.680.354.046
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>34.231.838.444</b>	<b>308.580.187</b>	<b>34.540.418.631</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	28.171.027.339	346.987.165	28.518.014.504
Số dư cuối kỳ	21.943.111.125	287.390.133	22.230.501.258

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DNNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC*  
*ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Tài sản cố định vô hình**

*Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Phí bản quyền VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	128.099.920.154	24.482.515.918	152.582.436.072
Tăng trong kỳ	7.427.537.751	111.900.000	7.539.437.751
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.041.049.800	-	1.041.049.800
Số dư cuối kỳ	136.568.507.705	24.594.415.918	161.162.923.623
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	31.936.874.251	5.891.762.628	37.828.636.879
Khấu hao trong kỳ	11.971.053.654	1.630.689.834	13.601.743.488
Số dư cuối kỳ	43.907.927.905	7.522.452.462	51.430.380.367
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	96.163.045.903	18.590.753.290	114.753.799.193
Số dư cuối kỳ	92.660.579.800	17.071.963.456	109.732.543.256

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DNNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC*  
*ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Số dư đầu kỳ	18.264.775.053	3.232.213.125
Tăng trong kỳ	15.072.978.198	4.329.155.250
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11)	(2.204.633.600)	-
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 12)	(1.041.049.800)	(3.529.825.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>30.092.069.851</b>	<b>4.031.543.375</b>
Các hạng mục xây dựng cơ bản dở dang lớn:		
	<b>30/6/2024 VND</b>	<b>31/12/2023 VND</b>
Hệ thống công nghệ thông tin	30.092.069.851	18.264.775.053

**14. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	30/6/2024 Giá gốc VND	31/12/2023 Giá gốc VND
Các khoản đầu tư dài hạn khác		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	547.000.000.000	302.300.000.000
▪ Chứng chỉ tiền gửi (ii)	280.000.000.000	322.300.000.000
▪ Trái phiếu doanh nghiệp	100.000.000.000	-
	<b>927.000.000.000</b>	<b>624.600.000.000</b>

- (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng này có kỳ hạn còn lại trên một (1) năm tại ngày báo cáo và hưởng lãi suất năm từ 5,80 đến 7,30% tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (31/12/2023: từ 5,70% đến 9,20%).
- (ii) Các chứng chỉ tiền gửi này có kỳ hạn còn lại trên một (1) năm và hưởng lãi suất năm từ 6,10% đến 8,80% tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (31/12/2023: từ 8,10% đến 8,80%).

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DNNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC*  
*ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Chí phí trả trước**

**(a) Chí phí trả trước ngắn hạn**

	<b>30/6/2024</b>	<b>31/12/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phí bảo trì và hỗ trợ	8.234.749.151	11.096.762.805
Chi phí thuê	4.539.234.309	149.000.000
Học phí	-	968.652.055
Chi phí khác	726.421.309	278.526.564
	<hr/>	<hr/>
	13.500.404.769	12.492.941.424
	<hr/>	<hr/>

**(b) Chí phí trả trước dài hạn**

*Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*

	<b>Thiết bị công nghệ thông tin VND</b>	<b>Phí hỗ trợ và bảo trì phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Chi phí khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Số dư đầu kỳ	4.882.874.565	2.810.691.473	2.840.250.286	395.526.030	10.929.342.354
Tăng trong kỳ	1.566.438.073	2.862.699.000	5.253.142.108	34.815.000	9.717.094.181
Phân bổ trong kỳ	(1.879.842.063)	(1.892.264.452)	(1.802.738.495)	(178.305.590)	(5.753.150.600)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	4.569.470.575	3.781.126.021	6.290.653.899	252.035.440	14.893.285.935
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DNNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC*  
*ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>30/6/2024</b>	<b>31/12/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</i>		
▪ Chi phí phải trả	1.775.545.207	900.040.212
▪ Dự phòng trợ cấp thôi việc	48.810.042	53.956.708
	<hr/> 1.824.355.249	<hr/> 953.996.920

**17. Phải trả cho người bán**

	<b>30/6/2024</b>	<b>31/12/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	22.097.206.971	10.857.095.150
▪ <i>Tiền bồi thường và trả tiền bảo hiểm cho chủ hợp đồng</i>	<i>196.214.011</i>	<i>75.306.470</i>
▪ <i>Thu nhập phải trả cho các đại lý</i>	<i>7.453.215.202</i>	<i>1.287.692.415</i>
▪ <i>Thu nhập phải trả cho các kênh phân phối khác (i)</i>	<i>14.447.777.758</i>	<i>9.494.096.265</i>
Phải trả khác cho người bán	11.874.342.452	8.533.940.700
▪ <i>Phải trả cho nhà cung cấp</i>	<i>11.874.342.452</i>	<i>8.533.940.700</i>
	<hr/> 33.971.549.423	<hr/> 19.391.035.850

(i) Chi tiết thu nhập phải trả cho các kênh phân phối khác:

	<b>30/6/2024</b>	<b>31/12/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nghân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (Thuyết minh 29(b))	5.017.349.900	314.713.350
Công ty Tài chính TNHH MTV Shinhan Việt Nam (Thuyết minh 29(b))	9.173.368.963	8.684.519.190
Các bên thứ ba	257.058.895	494.863.725
	<hr/> 14.447.777.758	<hr/> 9.494.096.265

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DNNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC*  
*ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Thuế (phải nộp)/phải thu Nhà nước**

**(a) Thuế phải nộp Nhà nước**

	<b>1/1/2024</b> <b>VND</b>	<b>Phát sinh</b> <b>trong kỳ</b> <b>VND</b>	<b>Số đã nộp/cán</b> <b>trừ trong kỳ</b> <b>VND</b>	<b>30/6/2024</b> <b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	33.045.994	101.726.696	(131.706.548)	3.066.142
Thuế thu nhập cá nhân	1.693.486.152	7.627.321.591	(7.983.787.939)	1.337.019.804
Các loại thuế khác	139.609.150	216.144.301	(247.458.714)	108.294.737
	<b>1.866.141.296</b>	<b>8.196.088.530</b>	<b>(8.613.849.143)</b>	<b>1.448.380.683</b>

**(b) Thuế phải thu Nhà nước**

	<b>1/1/2024</b> <b>VND</b>	<b>Cán trừ</b> <b>VND</b>	<b>30/6/2024</b> <b>VND</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.292.342.088	-	1.292.342.088
Các loại thuế khác	3.532.269	(3.532.269)	-
	<b>1.295.874.357</b>	<b>(3.532.269)</b>	<b>1.292.342.088</b>

**19. Chi phí phải trả**

	<b>30/6/2024</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>
Phí tư vấn	3.025.456.662	6.646.819.681
Tiền thưởng cho đại lý và các kênh phân phối khác	6.462.476.035	4.400.201.056
Tiền thưởng cho nhân viên	7.787.671.675	5.414.144.832
Các chi phí khác	5.324.989.670	4.015.976.228
	<b>22.600.594.042</b>	<b>20.477.141.797</b>

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DNNT**

*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Dự phòng nghiệp vụ**

	Dự phòng toán học VND	Dự phòng phí chưa được hưởng VND	Dự phòng bồi thường VND (i)	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024</b>	85.579.102.867	7.300.124.527	1.131.154.945	94.010.382.339
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong kỳ	44.901.278.851	(1.279.728.739)	(351.431.270)	43.270.118.842
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024</b>	130.480.381.718	6.020.395.788	779.723.675	137.280.501.181
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023</b>	23.478.318.009	4.650.033.138	327.055.207	28.455.406.354
Trích lập dự phòng trong kỳ	32.256.247.149	1.393.839.855	206.735.865	33.856.822.869
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>	55.734.565.158	6.043.872.993	533.791.072	62.312.229.223
(i) Chi tiết dự phòng bồi thường như sau:				
			<b>30/6/2024</b> VND	<b>31/12/2023</b> VND
Dự phòng bồi thường IBNR			579.911.220	511.672.971
Dự phòng bồi thường chưa giải quyết			199.812.455	619.481.974
			779.723.675	1.131.154.945



**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DNNT**  
(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC  
ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**21. Vốn chủ sở hữu**

**(a) Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp VND	Quỹ dự trữ bắt buộc VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	2.320.000.000.000	355.003.758	(77.292.489.972)	2.243.062.513.786
Lỗ trong kỳ	-	-	(71.758.008.359)	(71.758.008.359)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	2.320.000.000.000	355.003.758	(149.050.498.331)	2.171.304.505.427
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	2.320.000.000.000	355.003.758	(27.533.352.654)	2.292.821.651.104
Lỗ trong kỳ	-	-	(8.714.391.848)	(8.714.391.848)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	2.320.000.000.000	355.003.758	(36.247.744.502)	2.284.107.259.256

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DNNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC*  
*ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Vốn góp**

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty như sau:

	Tại ngày 30/6/2024 và 31/12/2023	
	VND	%
Shinhan Life Insurance Corporation	2.320.000.000.000	100

Công ty mẹ, Shinhan Life Insurance Corporation, và công ty mẹ cấp cao nhất, Tập đoàn Tài chính Shinhan, được thành lập tại Hàn Quốc.

**22. Phí bảo hiểm gốc**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Bảo hiểm từ kỳ	83.233.980.700	96.968.170.000
Bảo hiểm hỗn hợp	17.742.724.000	10.763.452.000
Bảo hiểm sức khỏe	5.842.807.000	2.380.369.000
	<b>106.819.511.700</b>	<b>110.111.991.000</b>

**23. Chi bồi thường và trả tiền bảo hiểm**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Chi phí bồi thường và trả tiền bảo hiểm	2.655.630.641	417.914.984
▪ Bảo hiểm sức khỏe	260.299.000	215.000.000
▪ Bảo hiểm từ kỳ	2.394.825.000	202.839.984
▪ Bảo hiểm hỗn hợp	506.641	75.000
Tăng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm gốc (Thuyết minh 20)	44.549.847.581	32.462.983.014
▪ Dự phòng toán học	44.901.278.851	32.256.247.149
▪ Dự phòng bồi thường	(351.431.270)	206.735.865
	<b>47.205.478.222</b>	<b>32.880.897.998</b>

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DNNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC*  
*ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Chi phí giám định bồi thường	9.143.000	27.979.000
Chi phí khác	-	707.932
	<b>9.143.000</b>	<b>28.686.932</b>

**25. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Thu nhập lãi từ:		
• Tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng	11.835.968	27.971.581
• Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	45.787.725.515	48.355.327.129
• Chứng chỉ tiền gửi	30.482.117.167	36.676.520.548
• Trái phiếu doanh nghiệp	245.753.426	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	8.188.950
	<b>76.527.432.076</b>	<b>85.068.008.208</b>

**26. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Tiền thưởng cho đại lý và các kênh phân phối khác	59.166.021.630	64.632.347.807
Tiền lương và chi phí liên quan	22.744.342.584	10.752.112.180
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.183.912.232	6.052.102.004
Chi phí tiếp thị và quảng cáo	4.263.718.234	629.891.200
Công cụ, thiết bị và văn phòng phẩm	381.288.334	232.779.283
Chi phí khác cho đại lý và các kênh phân phối khác	660.200.632	63.726.454
Các chi phí bán hàng khác	1.874.349.928	1.272.265.690
	<b>103.273.833.574</b>	<b>83.635.224.618</b>

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DNNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC*  
*ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2024</b>	<b>30/6/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền lương và chi phí liên quan	31.333.793.218	23.719.366.741
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.482.056.515	20.901.262.655
Chi phí khấu hao	22.282.097.534	19.087.260.158
Công cụ, thiết bị và văn phòng phẩm	7.015.725.505	5.067.918.538
Chi phí thuế và lệ phí	7.000.000	6.000.000
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	20.227.239
Các chi phí khác	2.370.218.751	1.231.511.271
	<b>87.490.891.523</b>	<b>70.033.546.602</b>

**28. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2024</b>	<b>30/6/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	-	-
<b>Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(870.358.329)	(2.132.904.007)
	<b>(870.358.329)</b>	<b>(2.132.904.007)</b>

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DNNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC*  
*ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất hiện hành**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Lỗi kế toán trước thuế	(72.628.366.688)	(10.847.295.855)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(14.525.673.338)	(2.169.459.171)
Chi phí không được khấu trừ thuế	151.173.652	36.555.164
Tài sản thu nhập thuế hoãn lại không được ghi nhận	13.504.141.357	-
	(870.358.329)	(2.132.904.007)

**(c) Thuế suất áp dụng**

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20%. Việc tính toán thuế thu nhập doanh nghiệp cần phụ thuộc vào sự xem xét và chấp thuận của cơ quan thuế.

**(d) Tài sản thu nhập thuế hoãn lại không được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2024		31/12/2023	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗi tính thuế (i)	129.783.006.890	25.956.601.378	62.323.477.369	12.464.695.474
Chênh lệch tạm thời được trừ	16.038.118.007	3.207.623.601	15.976.940.741	3.195.388.148
	145.821.124.897	29.164.224.979	78.300.418.110	15.660.083.622

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DNNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC*  
*ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Các khoản lỗ tính thuế sẽ hết hạn vào những năm sau:

<b>Năm hết hiệu lực</b>	<b>Tình hình quyết toán</b>	<b>Số lỗ được khấu trừ VND</b>
2027	Chưa quyết toán	28.368.275.776
2028	Chưa quyết toán	33.955.201.593
2029	Chưa quyết toán	67.459.529.521
		129.783.006.890

Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực theo luật thuế hiện hành. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

## **29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

### **(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sau tháng kết thúc ngày</b>	<b>Kỳ sau tháng kết thúc ngày</b>
	<b>30/6/2024</b>	<b>30/6/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Shinhan Life Insurance Corporation</b>		
Mua dịch vụ	2.952.601.203	3.720.806.088
<b>Các công ty liên quan khác</b>		
<b>Công ty TNHH Shinhan DS Việt Nam</b>		
Mua dịch vụ	794.678.400	1.827.298.400
<b>Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam</b>		
Thu nhập lãi tiền gửi	5.245.849.504	7.756.292.668
Hoa hồng, tiền thưởng và các khoản phụ cấp khác cho hoạt động đại lý bảo hiểm	16.596.506.750	6.546.955.952
Phí ngân hàng	14.366.807	14.679.831
<b>Công ty Tài chính TNHH MTV Shinhan Việt Nam</b>		
Phí bảo hiểm phát sinh từ hoạt động đại lý	55.980.935.700	92.959.195.000
Hoa hồng, tiền thưởng và các khoản phụ cấp khác từ hoạt động đại lý	38.643.310.301	61.101.659.900
Thu nhập lãi tiền gửi	14.976.986.309	28.225.890.409

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DNNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC*  
*ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Số dư với các bên liên quan**

	<b>Số dư tại ngày</b>	
	<b>30/6/2024</b>	<b>31/12/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>Các công ty liên quan khác</i>		
<b>Công ty Shinhan DS Việt Nam</b>		
Trả trước cho nhà cung cấp	428.065.000	428.065.000
<b>Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam</b>		
Tiền gửi ngân hàng	13.308.440.917	7.878.333.261
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn	6.757.758.647	249.196.400.000
Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn	-	4.500.000.000
Tiền ký quỹ bảo hiểm bắt buộc	15.000.000.000	15.000.000.000
Khoản phải trả	5.017.349.900	314.713.350
<b>Công ty Tài chính TNHH MTV Shinhan Việt Nam</b>		
Chứng chỉ tiền gửi ngắn hạn	200.000.000.000	200.000.000.000
Chứng chỉ tiền gửi dài hạn	100.000.000.000	200.000.000.000
Khoản phải thu	13.762.402.100	13.075.420.600
Khoản phải trả	9.173.368.963	8.684.519.190

**Công ty TNHH Bảo hiểm Shinhan Life Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DNNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 199/2014/TT-BTC*  
*ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Cam kết thuê hoạt động**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2024</b>	<b>31/12/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	40.154.770.305	25.766.265.654
Từ hai đến năm năm	90.342.604.283	38.695.155.849
Trên 5 năm	82.219.732.080	-
	<hr/>	<hr/>
	212.717.106.668	64.461.421.503

**31. Cam kết vốn**

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được phê duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>30/6/2024</b>	<b>31/12/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã duyệt và ký hợp đồng	63.409.659.976	21.780.482.267

**32. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư và tài chính**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2024</b>	<b>30/6/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	1.220.573.645	3.158.680.979

Ngày 14 tháng 08 năm 2024

Người lập:



Lê Thị Minh Thúy  
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Bae Seung Jun  
Tổng Giám đốc